TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/DS-ST
Ngày: 18-3-2021.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hạnh;
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Th - sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện Go, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Th1 - sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1976 (đều có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện Go, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Dương Thị Th trình bày: Nguyên tôi có làm chủ hụi nên vợ chồng ông Th1, bà B có tham gia chơi hụi của tôi là 04 dây hụi, mỗi dây là 6.000.000 đồng và sau khi áp hụi thì vợ chồng ông Th1, bà B đã hốt hết bốn dây này. Do đó, vợ chồng ông Th1, bà B còn thiếu tiền hụi của tôi theo từng dây hụi cụ thể như sau:

Vào ngày 10/8/2019, áp dây hụi 6.000.000 đồng, 15 ngày xổ một lần, có 32 hụi viên, bà B chơi 02 chân và xổ lần đầu thì bà B đã hốt hết 02 chân nên bà B còn phải đóng lại tiền hụi cho tôi là 36.000.000 đồng, dây hụi này đã mãn rồi.

Đến ngày10/12/2019, cũng áp dây hụi 6.000.000 đồng, 15 ngày xổ một lần, có 32 hụi viên, bà B chơi 02 chân và xổ lần đầu thì bà B đã hốt hết 02 chân nên bà B còn phải đóng lại tiền hụi cho tôi là 132.000.000 đồng, dây hụi này chưa mãn.

Đến ngày 23/3/2020, tiếp tục áp dây hụi 6.000.000 đồng, 15 ngày xổ một lần, có 32 hụi viên, bà B chơi 02 chân và xổ lần đầu thì bà B đã hốt hết 02 chân và bà B đóng được 14 còn 18 lần chưa đóng nên bà B còn phải đóng lại tiền hụi cho tôi là 216.000.000 đồng, dây hụi này chưa mãn.

Tiếp đến ngày 05/9/2020, tiếp tục áp dây hụi 6.000.000 đồng, 15 ngày xổ một lần, có 32 hụi viên, bà B chơi 01 chân và xổ lần đầu thì bà B đã hốt và tôi giao tiền hụi cho bà B là 152.000.000 đồng nên bà B phải trả lại cho tôi là 152.000.000 đồng, dây hụi này chưa mãn.

Đồng thời, bà B có vay thêm của tôi tổng số tiền là 350.000.000 đồng, cụ thể từng lần vay như sau:

Vào ngày 09/02/2020 âm lịch (âl) bà B vay số tiền là 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 100.000.000 đồng/tháng là 3.000.000 đồng.

Đến ngày 13/4/2020 âl bà B vay số tiền là 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 50.000.000 đồng/tháng là 1.500.000 đồng.

Đến ngày 11/4/2020 âl (nhuần) bà B vay số tiền là 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 50.000.000 đồng/tháng là 1.500.000 đồng.

Đến ngày 16/8/2020 âl bà B vay số tiền là 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là100.000.000 đồng/tháng là 3.000.000 đồng.

Tiếp đến ngày 25/9/2020 âl bà B vay số tiền là 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 50.000.000 đồng/tháng là 1.500.000 đồng.

Các lần vay nêu trên thì bà B chưa đóng lãi cho tôi lần nào cả và bà B cam kết khi nào có tiền thì trả cho tôi nhưng sau đó vợ chồng bà B không trả vốn và lãi của tiền vay cũng như tiền hụi cũng không đóng cho tôi mà bỏ địa phương đi. Do đó, tôi có yêu cầu Công an huyện G giải quyết thì Công an huyện G mời vợ chồng bà B lên làm việc thì vợ chồng bà B thừa nhận còn còn thiếu tôi số tiền là 886.000.000 đồng (trong đó: Tiền hụi là 536.000.000đ và tiền vay là 350.000.000đ).

Nay tôi làm đơn này khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện G giải quyết buộc vợ chồng bà B và ông Th1 phải cho tôi tổng số tiền là 886.000.000 đồng (trong đó: Tiền hụi là 536.000.000đ và tiền vay là 350.000.000đ). Đồng thời, tôi không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay là 350.000.000 đồng. Ngoài ra tôi không yêu cầu thêm gì.

***Tại bản tự khai đề ngày 19/6/2019 bà Nguyễn Thị B trình bày*:** Tôi thống nhất vời lời trình bày của bà Th về ngày tháng năm chơi hụi và ngày tháng năm vay tiền, số tiền còn thiếu như bà Th trình bày là đúng sự thật. Do đó, tôi xác định là bà Th có làm chủ hụi và bà Th có cho tôi vay tiền, cụ thể như sau:

Về hụi tôi có tham gia chơi hụi của bà Th là 04 dây, mỗi dây là 6.000.000 đồng và tôi chơi 07 chân gồm:

Vào ngày 10/8/2019, bà Th áp dây hụi 6.000.000 đồng, 15 ngày xổ một lần, có 32 hụi viên, tôi chơi 02 chân và xổ lần đầu thì tôi đã hốt hết 02 chân nên tôi còn phải đóng lại tiền hụi chết cho bà Th là 36.000.000 đồng, dây hụi này đã mãn rồi.

Đến ngày10/12/2019, bà Th cũng áp dây hụi 6.000.000 đồng, 15 ngày xổ một lần, có 32 hụi viên, tôi chơi 02 chân và xổ lần đầu thì tôi đã hốt hết 02 chân nên tôi

còn phải đóng lại tiền hụi chết cho bà Th là 132.000.000 đồng, dây hụi này còn 2- 3 lần nữa mãn.

Đến ngày 23/3/2020, bà Th tiếp tục áp dây hụi 6.000.000 đồng, 15 ngày xổ một lần, có 32 hụi viên, tôi chơi 02 chân và xổ lần đầu thì tôi đã hốt hết 02 chân và tôi đóng được 14 còn 18 lần chưa đóng nên tôi còn phải đóng lại tiền hụi chết cho bà Th là 216.000.000 đồng, dây hụi này chưa mãn.

Tiếp đến ngày 05/9/2020, bà Th tiếp tục áp dây hụi 6.000.000 đồng, 15 ngày xổ một lần, có 32 hụi viên, tôi chơi 01 chân và xổ lần đầu thì tôi đã hốt và bà Th giao tiền hụi cho tôi là 152.000.000 đồng nên tôi đồng ý trả lại cho bà Th số tiền là 152.000.000 đồng.

Về tiền vay thì tôi có vay của bà Th 04 với tổng số tiền là 350.000.000 đồng, cụ thể từng lần vay như sau:

Vào ngày 09/02/2020 âl tôi có vay của bà Th số tiền là 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 100.000.000 đồng/tháng là 3.000.000 đồng.

Đến ngày 13/4/2020 âl tôi có vay của bà Th số tiền là 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 50.000.000 đồng/tháng là 1.500.000 đồng.

Đến ngày 11/4/2020 âl (nhuần) tôi có vay của bà Th số tiền là 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 50.000.000 đồng/tháng là 1.500.000 đồng.

Đến ngày 16/8/2020 âl tôi có vay của bà Th số tiền là 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là100.000.000 đồng/tháng là 3.000.000 đồng.

Tiếp đến ngày 25/9/2020 âl tôi có vay của bà Th số tiền là 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 50.000.000 đồng/tháng là 1.500.000 đồng.

Nay, bà Th khởi kiện yêu cầu tôi phải trả cho bà tổng số tiền là 886.000.000 đồng (trong đó: Tiền hụi là 536.000.000đ và tiền vay là 350.000.000đ) thì tôi thừa nhận hiện nay tôi còn thiếu bà Th tổng số tiền là 886.000.000 đồng và tôi hẹn trong 6 tháng bán tài sản sẽ trả hết số tiền trên cho bà Th là 886.000.000đ (tám trăm tám mươi sáu triệu đồng). Đồng thời, tôi yêu cầu bà Th không tính lãi suất đối với tiền vay. Hơn nữa, có dây hụi chưa mãn nhưng tôi cũng đồng ý trả cho bà Th vì hiện nay tôi không có đóng hụi hàng tháng. Ngoài ra tôi không yêu cầu thêm gì.

Ông Trần Văn Th1 trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của vợ tôi trên là hiện nay vợ chồng tôi còn thiếu bà Th tổng số tiền là 886.000.000 đồng (trong đó: Tiền hụi là 536.000.000đ và tiền vay là 350.000.000đ) và tôi hẹn trong 6 tháng bán tài sản sẽ trả hết số tiền trên cho bà Th là 886.000.000đ (tám trăm tám mươi sáu triệu đồng). Đồng thời, tôi yêu cầu bà Th không tính lãi suất đối với tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Dương Thị Th với ông Trần Văn Th1 và bà Nguyễn Thị B là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là vợ chồng ông Trần Văn Th1 và bà Nguyễn Thị B có vay tiền và chơi hụi của bà Dương Thị Th là đúng sự thật.

Hợp đồng vay tiền giữa bà Dương Thị Th với vợ chồng ông Trần Văn Th1 và bà Nguyễn Thị B là hợp đồng vay không có thời hạn và có lãi. Hợp đồng này được giao kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Th1, bà B thừa nhận còn thiếu số tiền vốn gốc là 350.000.000 đồng (từ 17/01/2019 âl) đến nay mà không trả được nợ cho bà Th là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đồng thời, vợ chồng ông Trần Văn Th1 và bà Nguyễn Thị B thừa nhận có chơi hụi do bà Th chủ và ông bà cũng thừa nhận hiện nay còn thiếu tiền hụi bà Th là 536.000.000 đồng. Xét về thỏa thuận chơi hụi trên là một giao dịch về tài sản theo tập quán, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên phù hợp theo tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và được tự nguyện thi hành.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà Th không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay nên HĐXX xử không xem xét.

Do đó, buộc ông Trần Văn Th1, bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Dương Thị Th số tiền là 886.000.000đ (tám trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí DSST: Do yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Th được chấp nhận nên ông Trần Văn Th1, bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 886.000.000 đồng, trong đó giá ngạch của 800.000.000 đồng là 36.000.000 đồng + với phần vượt quá của 800.000.000 đồng là (86.000.000đ x 3%) = 38.580.000đ (ba mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Dương Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0009665 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 11, Điều 466, Điều 468, Điều 471 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Th đối với bị đơn ông Trần Văn Th1 và bà Nguyễn Thị B.

Buộc ông Trần Văn Th1 và bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Th số tiền là 886.000.000đ (tám trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là: 38.580.000đ (ba mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng), buộc ông Trần Văn Th1 và bà Nguyễn Thị B phải nộp.

Bà Dương Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0009665 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Báo cho bà Dương Thị Th, ông Trần Văn Th1 và bà Nguyễn Thị B biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 18/3/2021.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh